TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/DS-PT
Ngày 20 tháng 02 năm 2023
V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy GCNQSD đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phùng Hải Hiệp.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyển;

Bà Đặng Thị Thơm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại HN .

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại HN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại HN , xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2021/DS-PT ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc *"Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*, do có kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2020/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố HN , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 907/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Bà Vũ Thị Ngọc H, sinh năm 1979 và cháu Lục Hoàng Đ, sinh năm 2004 (là con Bà H và do Bà H làm đại diện theo pháp luật); địa chỉ tại xóm M, phường NT, quận LB, thành phố HN . Bà H có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà Vũ Thị Ngọc H: Luật sư Trịnh Hoàng B và Luật sư Vũ Quang D thuộc Văn phòng Luật sư QD, Đoàn luật sư tỉnh BN. Có mặt tại phiên tòa.

**** Bị đơn***: Bà Lục Bích N, sinh năm 1962; địa chỉ tại phường ĐG, quận LB , thành phố HN . Có mặt tại phiên tòa.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1. Bà Lục Thu L, sinh năm 1952; địa chỉ tại đường LT, quận TD, thành phố HCM. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Lục Thị P, sinh năm 1955; địa chỉ tại xã XG, huyện BT, tỉnh LC. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Tạ Quang P, sinh năm 1984; địa chỉ tại phường NL, quận VT, thành phố HCM . Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Ông Tạ Văn P, sinh năm 1958; địa chỉ tại phường NL, quận VT, thành phố HCM . Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện hợp pháp của Bà Lục Thu L, Bà Lục Thị P, ông Tạ Quang P, Ông Tạ Văn P: Bà Lục Bích N, sinh năm 1962; địa chỉ tại phường ĐG, quận LB, thành phố HN . Có mặt tại phiên tòa.

5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955; địa chỉ tại xã KB, huyện TN, thành phố HP. Có mặt tại phiên tòa.

6. Ông Hoàng T, sinh năm 1946; địa chỉ tại tổ 5, phường Giang Biên, quận LB , thành phố HN . Có mặt tại phiên tòa.

7. Anh Nguyễn Đức H; HKTT: Xã KS, huyện GL, thành phố HN ; Nơi ở hiện nay: phường NT, quận LB , thành phố HN . Vắng mặt tại phiên tòa.

8. Anh Vũ Văn T; HKTT: Xã TT, huyện UH, thành phố HN ; Nơi ở hiện nay: phường NT, quận LB , thành phố HN . Vắng mặt tại phiên tòa.

9. Ủy ban nhân dân quận LB , thành phố HN ; do ông Vũ Xuân T – Phó Chủ tịch làm đại diện theo ủy quyền. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là Bà Vũ Thị Ngọc H và cháu Lục Hoàng Đ (do Bà H đại diện) trình bày:*

Bố, mẹ chồng bà là cụ Hoàng Lệ C và cụ Lục Tấn D có 05 người con gồm: Bà Lục Thị L , sinh năm 1952; Bà Lục Bích N, sinh năm 1962; Bà Lục Thị P, sinh năm 1955; bà Lục Thu H , sinh năm 1960 (Bà H chết năm 1986, có chồng là Ông Tạ Văn P và con là Anh Tạ Quang P); ông Lục Anh T , sinh năm 1966. Ông T chết năm 2014, có vợ là bà (Vũ Thị Ngọc H), bà và Ông T có 01 con chung là cháu Lục Hoàng Đ, sinh năm 2004.

Năm 2003, cụ C chết không để lại di chúc. Ngày 19/01/2004, bà kết hôn với ông Lục Anh T và kể từ đó đến năm 2014 bà và Ông T sống cùng với gia đình nhà chồng, thể hiện tại sổ hộ khẩu năm 2004 và xác nhận của UBND phường NT xác định hộ gia đình bà gồm 05 thành viên gồm: cụ Lục Tấn D , Ông Hoàng T (là cháu cụ C), ông Lục Anh T , bà và cháu Lục Hoàng Đ.

Về di sản thừa kế, cụ D chết đi có để lại mảnh đất diện tích 415m^2, trong đó 200m^2 đất thổ cư và 215m^2 đất vườn thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 64 tại địa chỉ số 36, ngõ 606 đường NT , quận LB , thành phố HN , đã được UBND quận LB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T253169 ngày 02/12/2004 đứng tên "*Hộ gia đình ông (bà) Lục Tấn D*". Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ gia đình cụ D gồm có cụ D , ông T , bà và cháu Đ , Ông Hoàng T. Tài sản trên đất có 01 nhà hai tầng do cụ D , cụ C xây trước năm 2003. Hiện mẹ con bà đang quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất.

Ngày 19/5/2008, cụ D tổ chức cuộc họp gia đình, các thành viên gia đình

có mặt gồm cụ D và 04 người con là bà L , bà P , bà N , Ông T để bàn về vấn đề đất đai sau khi cụ D chết. Những người tham gia cuộc họp gia đình đã thống nhất nội dung "*Mảnh đất hiện là 425m^2 đất ở và vườn tạp đúng như trong sổ đỏ. Mảnh đất này là mồ hôi sức lao động của cha mẹ (cụ D và cụ C) từ năm 1976. Hiện nay và sau này không cho phép bất kỳ ai bán đổi, chia chác, xé lẻ để dùng riêng. Nơi này là nơi hội tụ của dòng họ Lục, là nơi định cư cho các thế hệ sau, ai được quyền thừa kế có trách nhiệm phải gìn giữ, bảo vệ, tôn tạo tài sản để lại, thờ cúng theo truyền thống, tiếp nhân thân về hỏi thăm cúng giỗ cho chu đáo, giữ được nề nếp gia phong tốt đẹp của họ Lục. Toàn thể các con có mặt tại buổi họp này hoàn toàn nhất trí với nội dung trên, biên bản đã được thông qua và lập thành 05 bản, mỗi người giữ 01 bản*" và ký tên vào biên bản cuộc họp.

Ngày 19/8/2008, cụ D lập di chúc tại trụ sở UBND phường NT , quận LB , thành phố HN trước sự chứng kiến của ông Lê Đăng L – Chủ tịch UBND phường NT . Bản di chúc có nội dung "*Sau khi tôi chết thì một phần tài sản là quyền sử dụng đất của tôi được hưởng theo quy định của pháp luật tại tổ 25 phường NT , quận LB , thành phố HN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T235169 để lại cho cháu nội tôi là cháu Lục Hoàng Đ sinh năm 2004 được hưởng toàn bộ. Ngoài người có tên nêu trên, tôi không để lại di sản thừa kế của tôi cho bất kỳ ai khác nữa*". Đồng thời cụ D cũng gửi một bản di chúc viết tay cũng vào cùng thời gian với bản di chúc trên cho Bà Nguyễn Thị T vợ sau của cụ D giữ.

Ngày 27/2/2009, cụ Lục Tấn D kết hôn với Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955 có đăng ký kết hôn. Cụ D và bà T không có con chung. Đến ngày 06/01/2014, cụ D chết.

Ngày 08/3/2014, chồng bà là ông Lục Anh T chết không để lại di chúc. Theo quy định của pháp luật thì bà và con trai bà thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lục Anh T .

Ngày 02/6/2014, Bà Nguyễn Thị T là vợ hai của cụ D có Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của cụ D tại Văn phòng công chứng, có chứng thực của Văn phòng công chứng. Sau đó, Ông Hoàng T là thành viên trong hộ gia đình tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng lập văn bản từ chối nhận di sản thừa kế có chứng thực của Văn phòng công chứng.

Cuối năm 2014, bà làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế của cụ D và Ông T nhưng Bà Lục Bích N không đồng ý. Bà N gửi đơn đến UBND phường NT đề nghị được hưởng di sản thừa kế của cụ D . Theo di chúc của cụ D thì bà N và những người con khác của cụ D đều không được hưởng di sản, đồng thời những người này không phải diện được hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc.

Như vậy, từ sau khi cụ D và Ông T chết, các chị chồng bà đã không tôn trọng và không thực hiện đúng nội dung của Biên bản cuộc họp gia đình ngày 19/5/2008 mà các bà đã được tham gia, không thực hiện nội dung của di chúc hợp pháp của cụ D . Còn bà và cháu Đ đã tôn trọng và thực hiện đúng nội dung của Biên bản họp gia đình ngày 19/5/2008 và di chúc của cụ D .

Cụ D chết, một mình bà phải lo tất cả mọi chi phí cho việc tổ chức tang lễ cho bố chồng vì khi đó chồng bà đang mắc bệnh hiểm nghèo. Khi cụ D chết có để lại số tiền là hơn 400 triệu đồng, số tiền này có nguồn gốc của chồng bà đi lao động tại CHLB Đức nhiều năm, khi về có đưa lại cho bố chồng bà giữ. Lúc đó chồng bà đang bệnh nặng sắp qua đời, cả nhà họp thống nhất dùng số tiền này để lo chữa bệnh cho Ông T và lo tang lễ cho Ông T khi chết, nhưng các bà chị chồng không đưa cho bà để sử dụng vào mục đích như trên mà bà L cầm và giữ số tiền này đến nay không trả. Tất cả mọi chi phí lo tang lễ cho bố chồng, chữa bệnh và lo tang lễ cho chồng bà đều một mình bà gánh vác nên nợ nần chồng chất. Bà không có tài liệu, chứng cứ gì mà chỉ có những người trong gia đình làm chứng về việc bà L giữ số tiền này. Còn về số tiền lo tang ma cho cụ D , bà xác định bà lo chữa bệnh và tang ma cho bố chồng nên không yêu cầu Tòa án xem xét công sức.

Ngoài ra, trong thời gian ở tại ngôi nhà của cụ D để lại, bà đã sửa chữa ngôi nhà với chi phí như sau: Mái nhà 28 triệu đồng, mái hiên 9 triệu đồng, lát nền nhà 12 triệu đồng, cầu thang, sơn và công sơn nhà, lắp hệ thống điện nước trong nhà 57 triệu đồng, lắp điều hòa 30 triệu đồng, tổng chi phí là 136 triệu đồng. Tuy nhiên đây là số tiền bà bỏ ra để sửa chữa nhà của cụ D để lại nên bà không yêu cầu các chị chồng phải thanh toán số tiền này và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về chi phí xây dựng nhà mới trên đất nhưng đang xây dựng dở thì phải tạm dừng: Khoảng năm 2016 bà xây dựng phần nhà mới với mục đích kinh doanh, cho thuê lấy chi phí tôn tạo sửa chữa ngôi nhà và duy trì việc thờ cúng thường xuyên của dòng họ Lục, tuy nhiên việc xây dựng phải tạm dừng. Tổng số tiền bà bỏ ra xây dựng khoảng 300 triệu đồng. Bà không đề nghị Tòa án buộc các chị bà phải đóng góp vào số tiền này.

Do đó, bà khởi kiện vụ án đề nghị Tòa án xem xét giải quyết các vấn đề sau:

- Công nhận Bản di chúc ngày 19/8/2008 của cụ Lục Tấn D là hợp pháp. Yêu cầu bà N , bà P , bà L phải tôn trọng và thực hiện đúng nội dung Biên bản họp gia đình và Di chúc của cụ D . Không được xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà và cháu Đ .

- Phân chia di sản thừa kế cụ thể như sau: Toàn bộ nhà đất của cụ D và cụ C được chia làm 16 phần, trong đó 08 của cụ D sẽ được chia cho cháu Đ theo di chúc hợp pháp của cụ D . Tám phần còn lại của cụ C sẽ được chia theo pháp luật vì cụ C chết năm 2003 không để lại di chúc, chia cho hàng thừa kế của cụ C là cụ D và 05 người con của 02 cụ, mỗi người 01 phần, 01 phần để lại làm nơi thờ cúng, 01 phần chia cho bà do bà có công sức đóng góp cho gia đình cụ D , chăm lo cho cụ D và Ông T khi họ qua đời, thờ cúng tổ tiên họ Lục, lo sửa chữa tu tạo nhà cửa. Tổng cộng cháu Đ được 08 phần của cụ D và 1/8 của cụ D được chia, bà được 1/8 công sức đóng góp và 1/8 hưởng của ông T . Bốn chị chồng mỗi chị chồng được chia 1/8 di sản của cụ C . Phần của các chị chồng bà xin trả bằng tiền theo quy định của pháp luật để giữ nhà đất giao lại cho con bà là cháu Lục Hoàng Đ.

Ngoài việc chia tài sản thừa kế như trên, tất cả những nội dung khác bà sẽ đề nghị giải quyết trong vụ việc khác. Bà không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hợp pháp.

Về diện tích đất tranh chấp có dôi dư là do đo vẽ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Bà đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc của Tòa án nhân dân quận LB để giải quyết vụ án và không yêu cầu đo đạc, định giá lại đối với đất và tài sản trên đất.

** Theo các bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn là Bà Lục Bích N, đồng thời là là đại diện theo ủy quyền của Bà Lục Thị P, Bà Lục Thị L , Anh Tạ Quang P, Ông Tạ Văn P và Bà Nguyễn Thị T (bà T chỉ ủy quyền cho bà N tại Tòa án cấp sơ thẩm), trình bày:*

Về quan hệ huyết thống bà thống nhất với lời khai của Bà H . Bố đẻ bà là cụ Lục Tấn D , chết năm 2014, mẹ bà là cụ Hoàng Thị C (Hoàng Lệ C), chết năm 2003. Khi còn sống bố mẹ bà sinh sống tại địa chỉ nhà số 36, ngõ 606, tổ 25 xóm Mới, NT , LB , HN . Sau khi cụ C chết, cụ D lấy vợ hai là Bà Nguyễn Thị T. Khi chết bố mẹ bà có để lại tài sản là thửa đất diện tích 415m^2 và ngôi nhà hai tầng xây trên đất.

Về nguồn gốc thửa đất, tháng 12/1976 mẹ bà được điều động công tác từ tỉnh Lào Cai về đơn vị Z133, chị em bà theo mẹ về HN . Khi đó gia đình khó khăn chưa có nơi sinh hoạt nên năm 1977, mẹ bà được gia đình bên ngoại giúp đỡ mua lại thửa đất và căn nhà đắp đất của ông Nguyễn Văn Thọ và bà Đỗ Thị H ở tổ 25, xóm Mới, xã NT , huyện Gia Lâm, thành phố HN . Từ đó, mẹ con bà cùng nhau sinh sống trên thửa đất đó, đến năm 1978 bố bà về ở cùng mẹ con bà rồi cùng nhau đào đất vườn, đóng gạch, nung vôi xây dựng được ngôi nhà hai tầng và 01 căn bếp để sinh hoạt, tới năm 1983 thì hoàn thiện ngôi nhà. Sau đó chị em bà lần lượt xây dựng gia đình. Năm 1988, em bà là Ông T đi xuất khẩu lao động tại CHLB Đức, bà và chồng bà chăm sóc bố mẹ, đến năm 2002, Ông T bị trục xuất về nước và về ở với bố mẹ. Tháng 11/2003, cụ C chết. Năm 2004 Ông T lấy Bà Vũ Thị Ngọc H và ở tại ngôi nhà của gia đình mà không có đóng góp gì. Năm 2004, cụ D làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của gia đình mà chị em bà không hề hay biết, chị em bà chưa hề được họp gia đình hoặc bàn bạc thống nhất, cũng không nhận được sự thông báo của chính quyền. Như vậy, việc UBND quận LB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hộ gia đình ông Lục Tấn D là sai vì đất này là đất của mẹ bà mua, khi chết mẹ bà không để lại di chúc và chưa được sự đồng ý nhất trí của chị em bà đối với việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tên chị em bà.

Mẹ bà chết không để lại di chúc; bố bà (cụ D) khi chết có để lại 02 bản di chúc, một bản di chúc năm 2008 và một bản di chúc năm 2012. Năm 2012, cụ D có viết di chúc để lại tài sản cho chị em bà. Theo di chúc thì tài sản được chia làm 06 phần đối với ½ diện tích thửa đất của mẹ bà, còn ½ diện tích đất của bố bà thì

tặng cho cho Bà Nguyễn Thị T (mẹ kế). Tuy nhiên đến năm 2014, bố bà chết, thửa đất chưa được chia cho ai. Sau đó bà T có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế và đề nghị chia toàn bộ di sản cho tất cả các con đẻ của cụ D nhưng cho đến nay gia đình bà vẫn chưa tiến hành chia thừa kế được bởi em dâu là Bà Vũ Thị Ngọc H (vợ ông T) chiếm đoạt toàn bộ tài sản đó cho đến nay. Năm 2017, Bà H có sửa nhà hai tầng, trát lại nhà cũ do bố mẹ để lại và xây một nhà mới khoảng năm 2016-2017 nhưng do xây dựng trong thời gian tranh chấp nên đã bị chính quyền địa phương đình chỉ xây dựng nên chỉ xây dựng được phần thô, chưa hoàn thiện để ở.

Theo quan điểm của bà, cả hai bản di chúc của cụ D lập đều không hợp pháp. Nay Bà H khởi kiện vụ án, bà có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T253169 cấp cho Hộ ông Lục Tấn D tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 64, diện tích 415m^2 tại xóm Mới, phường NT , quận LB , HN và chia di sản thừa kế của cụ D , cụ C cho 05 chị em bà theo đúng quy định của pháp luật.

Về diện tích thửa đất, năm 1977 bố mẹ bà mua thửa đất có diện tích 450m^2, năm 2004 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 415m^2, hiện nay đo đạc lại có diện tích là 437m^2, bà không có ý kiến gì về số đo diện tích đất này.

Về chi phí lo ma chay cho cụ D , chỉ có bà P khi đó khó khăn nên không có đóng góp gì, còn mỗi chị em bà khi đó đóng góp 1.200.000 đồng để lo ma chay. Nếu Bà H cho rằng Bà H lo ma chay cho cụ D thì đề nghị xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh. Nay Bà H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, bà cũng đề nghị Tòa án không xem xét.

****** *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Bà Lục Thu L trình bày: Bà là con đẻ của cụ D , cụ C , về quan hệ huyết thống, bà nhất trí lời khai của nguyên đơn, bị đơn. Di sản của cụ D , cụ C để lại là thửa đất có diện tích 415m^2 tại địa chỉ số nhà 30, ngõ 606 NT , quận LB , thành phố HN . Thửa đất này do mẹ bà mua năm 1977, đến năm 2004 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi mua đến nay gia đình sinh sống ổn định và không có sự tranh chấp với các gia đình xung quanh liền kề. Hiện thửa đất và tài sản trên đất được gia đình giao cho Bà Vũ Thị Ngọc H là vợ anh Lục Anh Tuấn em trai bà trông nom và quản lý.

Ngày 22/01/2015, sau khi cụ Lục Tấn D và ông Lục Anh T chết, gia đình bà đã được UBND phường NT lập biên bản hòa giải, tại buổi hòa giải các anh chị em đồng ý đến năm 2020 sẽ phân chia di sản của cụ D , cụ C để lại. Đến ngày 29/11/2016 chị Vũ Ngọc Huyền đã gửi đơn đến Tòa án nhân dân quận LB về việc phân chia di sản, đối với yêu cầu khởi kiện của Bà H , bà có ý kiến như sau: Cụ D bố bà có lập 02 bản di chúc, một bản lập năm 2008, một bản lập năm 2012. Việc cụ D lập di chúc lần hai là để thay thế cho di chúc lần một, có nội dung để lại toàn bộ di sản cho bà T là vợ hai cụ D , gia đình bà đồng ý theo bản di chúc lập lần hai. Bà T sau đó đã có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế, như vậy tài sản của bố mẹ bà để lại được chia đều cho 05 người con là Bà Lục Thu L, Bà Lục Thị

P, bà Lục Thu H (Bà H đã chết, có chồng là ông Tạ Quang P và con là Anh Tạ Quang P), Bà Lục Bích N và ông Lục Anh T (Ông T đã chết, có vợ là Bà Vũ Thị Ngọc H và con là cháu Lục Hoàng Đ). Còn ngôi nhà trên thửa đất do bố mẹ bà xây dựng thì để lại cho vợ con ông Lục Anh T sử dụng và cũng là nơi các thành viên trong gia đình đến để hương khói cho bố mẹ bà. Bà L ủy quyền toàn bộ việc giải quyết vụ án cho Bà Lục Bích N.

Về số tiền 400 triệu đồng Bà H nêu, bà khẳng định lời khai của Bà H là sai sự thật, bà không cầm một đồng tiền nào của chị H và bố bà cũng không giao tiền cho bà. Nếu Bà H đã trình bày thì phải cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc này.

Bà Lục Thị P trình bày: Bà thống nhất nội dung trình bày của bà N , bà P . Về yêu cầu khởi kiện của Bà H : Năm 2004 bố bà làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không thông báo bàn bạc trong gia đình, chị em bà không hề hay biết gì, nay thửa đất đang có tranh chấp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hộ gia đình ông Lục Tấn D là sai vì nguồn gốc thửa đất này là của mẹ bà mua (có giấy mua bán với ông Nguyễn Hữu T và bà Đỗ Thị H). Khi mẹ bà chết không để lại di chúc, chị em bà sống với mẹ từ nhỏ nên khẳng định mẹ bà là người mua thửa đất đó và có toàn quyền đối với thửa đất. Mẹ bà chết, chị em bà là con ruột nên được quyền sở hữu thửa đất đó. Bà yêu cầu giải quyết việc tranh chấp chia thừa kế tài sản là diện tích đất 437m^2 theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà kết hôn với ông Lục Tấn D có đăng ký kết hôn năm 2008. Vợ chồng bà sống hòa thuận cùng các con cháu quây quần, vui vẻ. Ngày 05/9/2012, tại nơi ở của ông bà tại Kiều Bái, Thủy Nguyên, Hải Phòng, sau nhiều ngày suy nghĩ và nghiên cứu tài liệu về luật thừa kế của nhà nước ban hành, ông D đã viết bản di chúc lần hai để lại tài sản cho người còn sống. Bà công nhận hoàn toàn đó là bản di chúc do chồng bà viết và các con bà biết, trong đó cũng có nhiều điều chồng bà dặn dò. Trong di chúc đó, Bà H oàn toàn nhất trí việc chia nhà đất cho bà và các con riêng ông D thành 06 phần. Tuy nhiên, bà từ chối nhận phần di sản của mình được chia, bà nhất trí chia di sản đó thành 05 phần cho các con ông D . Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố HN giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bà ủy quyền cho Bà Lục Bích N toàn quyền giải quyết các vấn đề liên quan đến vụ án.

Anh Tạ Quang P trình bày: Về quan hệ huyết thống anh là con của bà Lục Thu H , cháu ngoại của cụ Lục Tấn D . Anh được biết gia đình ông bà ngoại để lại cho các con cháu tài sản là nhà đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 64, diện tích 415m^2 tại số nhà 36, ngõ 606, tổ 25 phường NT , quận LB , thành phố HN . Nay ông bà ngoại anh đã chết, anh hoàn toàn đồng ý với quan điểm của các bác là bà L , bà P , bà N về việc phân chia tài sản thừa kế.

Ông Hoàng T trình bày: Ngày 25/6/2014, ông có giấy cam đoan về tài sản tại địa chỉ tổ 25, xóm Mới, phường NT , quận LB , thành phố HN là tài sản riêng của gia đình cụ Lục Tấn D . Thời gian trước ông chỉ nhập hộ khẩu nhờ, không liên quan gì đến tài sản của gia đình cụ D . Nay Bà Vũ Thị Ngọc H khởi

kiện về yêu cầu chia di sản thừa kế đối với tài sản của cụ D , ông đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Ông Vũ Văn T , ông Nguyễn Đức H trình bày: Các ông và Bà Vũ Thị Ngọc H không có quan hệ họ hàng hay bạn bè thân quen. Do kinh doanh ở chợ gần nhà Bà H nên các ông thuê kiot của Bà H để bán hàng, giá thuê là 500.000 đồng/tháng. Hằng ngày các ông đến kiot để bán hàng, đến chiều thì về nhà, không ăn ở, sinh hoạt tại kiot. Việc ông thuê kiot chỉ là thỏa thuận miệng, không lập thành hợp đồng và chỉ có tính chất thời vụ chứ không thuê thường xuyên liên tục nên không nhớ chính xác thời gian đã thuê, tiền thuê tháng nào trả tiền tháng đó nên không nhớ số tiền đã trả Bà H . Các ông chỉ là người thuê kiot để bán hàng, không biết gì về nguồn gốc nhà đất này, không có đóng góp gì và không biết, không liên quan đến tranh chấp nhà đất. Nếu kiot của các ông làm ảnh hưởng đến việc giải quyết tranh chấp thì các ông không thuê nữa. Các ông xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

Đại diện Ủy ban nhân dân phường NT , quân LB , thành phố HN trình bày: Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 64 diện tích 415m^2 tại tổ 25 NT , LB , HN gồm 200m^2 đất ở và 215m^2 đất vườn, thời hạn sử dụng lâu dài, đã được UBND quận LB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hộ ông Lục Tấn Dũng. Hiện nay toàn bộ thửa đất và các công trình trên đất do chị Vũ Thị Ngọc H và cháu Lục Hoàng Đ trực tiếp quản lý. Thửa đất hiện nay không có tranh chấp ranh giới giữa các hộ gia đình.

Về nguồn gốc thửa đất, hồ sơ, sổ sách của UBND phường lưu giữ thể hiện như sau: Tại sổ dã ngoại năm 1986, thửa đất số 36, tờ bản đồ số 5, diện tích 450m^2, đứng tên Dũng; Tại sổ mục kê năm 1993, thửa đất số 10, tờ bản đồ số 64, diện tích 415m^2, đứng tên chủ sử dụng Hoàng Lệ C ; Tại tờ bản đồ năm 1986, thửa đất số 86, diện tích 525m^2; Tại tờ bản đồ năm 1993, thửa đất số 10, diện tích 415m^2. Diện tích đất có sự khác nhau như trên là do sai số khi đo đạc. Đề nghị Tòa án sử dụng diện tích được ghi nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đo đạc hiện trạng thực tế để giải quyết tranh chấp.

Đại diện Ủy ban nhân dân quận LB , thành phố HN trình bày: Về hồ sơ địa chính qua các thời kỳ: Bản đồ năm 1986 ghi nhận thửa đất số 86, tờ bản đồ số 5, diện tích 236m^2, đăng ký chủ sử dụng: Dũng; Bản đồ năm 1993 ghi nhận thửa đất số 10, tờ bản đồ số 64, diện tích 415m^2, chủ sử dụng tên Hoàng Lệ C . Về trình tự cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu (theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 64, diện tích 415m^2 tại tổ 25, phường NT , quận LB , thành phố HN): Năm 2004 Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phường NT họp thông qua hồ sơ và thống nhất nguồn gốc thửa đất như sau: Đất do xã cấp thoát lũ năm 1969 cho gia đình ông Nguyễn Hữu T , bà Đỗ Thị H . Năm 1977, ông T , Bà H ồng nhượng lại cho bà C , có xác nhận của UBND xã NT . Sau khi công khai hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Lục Tấn D đủ thời gian theo quy định, không nhận được đơn thư kiến nghị, UBND phường NT đã trình quận LB hồ sơ đề nghị cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hộ gia đình ông D . Như vậy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hộ gia đình ông D được thực hiện theo đúng trình tự tại Quyết định số 65/2001/QĐ-UBND ngày 29/8/2001 của UBND thành phố HN .

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2020/DS-ST ngày 14/10/2020, Tòa án nhân dân thành phố HN đã căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 37, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 646, 649, 650, 652, 653, 655, 658 Bộ luật dân sự 2005; các điều 611, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự 2015; Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Vũ Thị Ngọc H, cháu Lục Hoàng Đ đối với bị đơn Bà Lục Bích N về việc chia di sản thừa kế của cụ Lục Tấn D , cụ Hoàng Thị C (Hoàng Lệ C) theo quy định của pháp luật. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế của cụ Lục Tấn D , cụ Hoàng Thị C (Hoàng Lệ C) theo quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Vũ Thị Ngọc H về việc đề nghị công nhận tính hợp pháp của bản di chúc của cụ Lục Tấn D lập ngày 19/8/2008 tại UBND phường NT .

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Lục Tấn D , cụ Hoàng Thị C (Hoàng Lệ C) để lại là 437,6m^2 đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 64, tổ 25, xóm Mới, phường NT , quận LB , thành phố HN có địa chỉ hiện nay tại số nhà 36, ngõ 606, đường NT phường NT , quận LB , thành phố HN , trị giá 13.940.000.000 đồng và 01 ngôi nhà hai tầng có diện tích 45m^2, trị giá 291.239.118 đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế là: 14.231.239.118 đồng.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lục Tấn D , cụ Hoàng Thị C (Hoàng Lệ C) gồm: Bà Lục Thu L, Bà Lục Thị P, Bà Lục Bích N, bà Lục Thu H (đã chết) có thừa kế thế vị là Anh Tạ Quang P, ông Lục Anh T (đã chết) có vợ là Bà Vũ Thị Ngọc H và con là cháu Lục Hoàng Đ. Xác định hàng thừa kế của cụ Lục Tấn D là Bà Nguyễn Thị T là vợ thứ hai của cụ Lục Tấn D .

4. Chia di sản thừa kế của cụ Lục Tấn D , cụ Hoàng Lệ C cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận việc Bà Nguyễn Thị T từ chối nhận di sản thừa kế của cụ Lục Tấn D .

Việc phân chia di sản thừa kế cụ thể như sau:

- Chia cho Bà Vũ Thị Ngọc H và cháu Lục Hoàng Đ diện tích 87.52m^2 đất trong đó 40m^2 đất ở và 47.52m^2 đất vườn được giới hạn bởi các điểm 3,4,5',13,3; Bà H , cháu Đ được quyền quản lý, sử dụng kiot, sân gạch và các cây trồng có trên phần đất được chia (theo sơ đồ kỹ thuật kèm theo bản án).

Tổng giá trị di sản Bà H , cháu Đ được nhận là 2.788.000.000 đồng.

- Chia cho Bà Lục Thu L, Bà Lục Thị P, Bà Lục Bích N, bà Lục Thu H

(đã chết), Bà H có thừa kế thế vị là Anh Tạ Quang P phần đất có diện tích đất 350,08m^2, trong đó 160m^2 đất ở và 190.08m^2 đất vườn được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,13,5',5,6,7,7',8,9,10,11,12,1 và một nhà hai tầng diện tích đất 45m^2, trị giá 291.239.118 đồng.

Bà L , bà P , bà N , anh Phương được quyền quản lý, sử dụng các công trình tài sản cây trồng có trên phần đất được chia.

Bà Vũ Thị Ngọc H và cháu Lục Hoàng Đ, Bà Lục Thu L, Bà Lục Thị P, Bà Lục Bích N, Anh Tạ Quang P có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được giao.

Bà Lục Thu L, Bà Lục Thị P, Bà Lục Bích N, Anh Tạ Quang P có trách nhiệm thanh toán cho Bà Vũ Thị Ngọc H 371.068.223 đồng, mỗi người phải thanh toán cho Bà H số tiền là 371.068.223 đồng : 4 = 92.767.056 đồng.

Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/10/2020, Bà Vũ Thị Ngọc H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không công nhận tính hợp pháp của Bản di chúc do cụ D lập năm 2008 tại UBND phường NT và tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND quận LB cấp cho Hộ gia đình ông Lục Tấn D là không có căn cứ, vi phạm pháp luật.

Ngày 22/10/2020, Bà Lục Bích N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc bà và các thừa kế khác có trách nhiệm thanh toán cho Bà H giá trị tài sản, công trình do Bà H xây dựng trái phép trên đất.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, trên cơ sở yêu cầu của đương sự, Tòa án nhân dân cấp cao tại HN đã có Văn bản số 9372/TANDTC-DS ngày 23/9/2022 về việc ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố HN thu thập tài liệu để tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết tại bản Di chúc ngày 05/9/2012 có phải do cụ Lục Tấn D viết và ký hay không.

Ngày 30/11/2022, Tòa án nhân dân thành phố HN đã ban hành Quyết định số 337/2022/QĐ-TCGĐ về việc trưng cầu Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an giám định chữ ký, chữ viết của cụ Lục Tấn D tại bản Di chúc ngày 05/9/2012.

Tại Kết luận giám định số 409/KL-KTHS ngày 30/12/2022, Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: "…*5.2. Chữ ký, chữ viết trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 (trừ các chữ đã kết luận tại mục 5.1) so với chữ ký, chữ viết của Lục Tấn Dũng trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký, viết ra*".

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay (ngày 20/02/2023), các bên đương sự

không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn là Bà Vũ Thị Ngọc H không rút đơn khởi kiện, đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không phân chia thừa kế di sản của cụ D , cụ C cho bà N và các thừa kế khác, bởi lẽ bà N và các thừa kế khác không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, thờ cúng các cụ, không làm đúng ý nguyện của cụ D tại Biên bản họp gia đình và bản Di chúc ngày 19/8/2008.

Luật sư Trịnh Hoàng B và Luật sư Vũ Quang D bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà Vũ Thị Ngọc H xác định bản Di chúc do cụ D lập ngày 05/9/2012 có một số nội dung không đúng pháp luật nên chưa đủ cơ sở xác định là hợp pháp, như không có tài liệu, chứng cứ xác định cụ D tự nguyện, tinh thần sáng suốt, minh mẫn tại thời điểm lập di chúc; nội dung di chúc thể hiện cụ D tặng cho tài sản chứ không phải để lại di sản cho bà Tuyết. Ý nguyện của bà T nhường quyền thừa kế cho cháu Đ , cháu đích tôn của cụ D nhằm mục đích bảo tồn tài sản, thực hiện nghĩa vụ thờ cúng là hoàn toàn phù hợp với đạo lý, phù hợp với nội dung biên bản họp gia đình và bản di chúc của cụ D lập ngày 19/8/2008. Tại Văn bản từ chối nhận di sản thể hiện bà T chỉ từ chối nhận di sản của cụ D khi di sản được chia theo pháp luật chứ không từ chối nhận di sản theo di chúc cụ D lập ngày 05/9/2012. Bản di chúc do cụ D lập ngày 19/8/2008 là hoàn toàn hợp pháp về cả hình thức và nội dung nên cần phân chia di sản thừa kế của cụ D theo bản di chúc này. Đề nghị Hội đồng xét xử phân chia di sản thừa kế của cụ D , cụ C theo hướng phân chia cho cháu Đ được hưởng thừa kế toàn bộ bằng hiện vật và có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế từ di sản của cụ C bằng tiền cho các thừa kế khác.

Bị đơn Bà Lục Bích N rút toàn bộ nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị T khẳng định khi ông Lục Tấn D chồng bà còn sống đã tự viết Di chúc ngày 05/9/2012 làm hai bản có nội dung giống nhau rồi đưa lại cho bà giữ. Sau khi ông D chết, bà đưa lại di chúc cho bà N , đồng thời bà thừa nhận đã ký văn bản từ chối nhận di sản tại Phòng công chứng. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà ủy quyền cho bà N tham gia tố tụng, nhưng nay bà không tiếp tục ủy quyền cho bà N . Sau khi xét xử sơ thẩm bà không kháng cáo nhưng đã có Văn bản gửi Tòa án trình bày nguyện vọng của bà về việc bà không từ chối nhận di sản của ông D nữa, toàn bộ tài sản mà bà được hưởng từ di sản của ông D sẽ để lại cho cháu Đ để thực hiện việc thờ cúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của bà.

Người có quyền lợi, nghia vụ liên quan là Ông Hoàng T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại HN trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng, kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố

tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn tự nguyện rút đơn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn. Về nội dung, bà T từ chối nhận di sản thừa kế của cụ D và đã được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T không kháng cáo, nay lại thay đổi và đề nghị để lại toàn bộ tài sản mà bà được hưởng từ di sản của cụ D cho cháu Đ để thực hiện việc thờ cúng là không có cơ sở chấp nhận. Theo kết luận giám định thì bản Di chúc ngày 05/9/2012 là do cụ Lục Tấn D lập; nội dung và hình thức của di chúc là hợp pháp. Như vậy, cả hai bản di chúc đều là hợp pháp. Bản Di chúc ngày 05/9/2012 thay thế bản Di chúc ngày 19/8/2008 theo quy định tại Điều 662 Bộ luật dân sự năm 2005. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc không hợp pháp là không đúng, tuy nhiên do bà T đã từ chối nhận di sản nên di sản thừa kế của cụ D , cụ C sẽ được chia theo pháp luật. Do đó sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến bản chất, nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn là Bà Vũ Thị Ngọc H và của bị đơn là Bà Lục Bích N trong thời hạn theo luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là Bà Lục Bích N tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Bà Lục Bích N theo quy định của pháp luật.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là cháu Lục Hoàng Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Lục Thị L , Bà Lục Thị P, Ông Tạ Văn P và Anh Tạ Quang P vắng mặt nhưng đã có người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Anh Nguyễn Đức H, Anh Vũ Văn T và đại diện UBND quận LB , thành phố HN vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Xét thấy các đương sự vắng mặt đều không kháng cáo và đã có đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn là Bà Vũ Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Vợ chồng cụ Hoàng Lệ C và cụ Lục Tấn D có 05 người con chung gồm: Bà Lục Thị L , Bà Lục Bích N, Bà Lục Thị P, bà Lục Thu H (Bà H chết năm 1986, có chồng là Ông Tạ Văn P và con là Anh Tạ Quang P), ông Lục Anh T (Ông T chết năm 2014, có vợ là Bà Vũ Thị Ngọc H và con là cháu Lục Hoàng Đ).

Sinh thời vợ chồng cụ D , cụ C tạo lập được khối tài sản chung là diện tích đất 415m^2 (đo thực tế là 437,6m^2, trong đó diện tích đất ở là 200m^2, đất vườn là 237,6m^2) tại thửa đất số 10, tờ bản số 64, tổ 25, xóm Mới, phường NT , quận LB , thành phố HN (địa chỉ hiện nay tại số nhà 36, ngõ 606 đường NT , quận LB , thành phố HN) đã được UBND quận LB , thành phố HN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T253169 ngày 02/12/2004, đứng tên "Hộ gia đình ông (bà) Lục Tấn D". Nguồn gốc đất là do các cụ nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hữu T , bà Đỗ Thị H vào năm 1977, trên đất có 01 nhà hai tầng diện tích 45m^2 được các cụ xây dựng năm 1986. Quá trình xác minh thể hiện thửa đất trên không tiếp giáp với đất công, không có tranh chấp ranh giới với các hộ gia đình sử dụng đất liền kề. Theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ thì diện tích đất có thay đổi là do việc đo đạc không chính xác.

[4.2] Năm 2003, cụ C chết không để lại di chúc. Năm 2004, cụ D làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Biên bản xét duyệt hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện nguồn gốc thửa đất là của cụ C mua của ông Nguyễn Hữu T , bà Đỗ Thị H . Tuy nhiên tại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có ý kiến của các người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C , không có biên bản họp gia đình về việc thống nhất để cụ D đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND quận LB , thành phố HN lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho "Hộ gia đình ông Lục Tấn Dũng", trong khi Sổ hộ khẩu của gia đình cụ D tại thời điểm đó bao gồm các thành viên là cụ D , Ông Hoàng T (là cháu cụ C được nhập hộ khẩu nhờ), ông Lục Anh T , Bà Vũ Thị Ngọc H và cháu Lục Hoàng Đ. Như vậy, việc UBND quận LB , thành phố HN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hộ gia đình cụ D trong trường hợp này là không đúng theo quy định của pháp luật về đất đai, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C . Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T253169 do UBND quận LB cấp ngày 02/12/2004 cho Hộ gia đình cụ Lục Tấn D để giải quyết việc chia thừa kế giữa các bên đương sự là đúng pháp luật.

[4.3] Ngày 19/5/2008, cụ D cùng 04 người con là các ông bà L , Phượng, Nga, Tuấn tiến hành họp gia đình và thống nhất lập Biên bản họp gia đình với nội dung: "*Mảnh đất hiện tại là 425m^2 đất ở và vườn tạp đúng như trong sổ đỏ. Mảnh đất này là mồ hôi, sức lao động của cha mẹ (ông Lục Tấn D và Bà H oàng Lệ Chích) từ năm 1976. Hiện nay và sau này không cho phép bất kỳ ai bán, đổi, chia chát, xé lẻ để dùng riêng. Nơi này sẽ là nơi tập trung hội tụ của dòng họ Lục, là nơi định cư cho các thế hệ sau. Ai được quyền thừa kế phải có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ, tôn tạo tài sản để lại, thờ cúng theo truyền thống, tiếp thân nhân về thăm hỏi cúng giỗ cho chu đáo, giữ được nề nếp gia phong tốt đẹp của dòng họ Lục*…". Tuy nhiên, Biên bản họp gia đình nêu trên không có sự tham gia của các thừa kế của bà Lục Thị H (Bà H chết năm 1986, có chồng là Ông Tạ Văn P và con là Anh Tạ Quang P).

Ngày 19/8/2008, tại trụ sở UBND phường NT , quận LB , thành phố HN , cụ D lập bản Di chúc có nội dung: "*Hộ gia đình chúng tôi đang quản lý thửa đất*

số 10, tờ bản đồ số 64 với diện tích 415m^2, tại tổ 25 NT , LB , HN ... Nay tôi lập di chúc để định đoạt phần tài sản của tôi được hưởng theo quy định của pháp luật đối với một phần diện tích đất nêu trên sau khi tôi qua đời như sau: Sau khi tôi chết thì một phần tài sản là quyền sử dụng đất của tôi được hưởng theo quy định của pháp luật tại tổ 25, NT , LB , HN ... để lại cho cháu nội tôi là Lục Hoàng Đạt, sinh năm 2004 được hưởng toàn bộ...". Di chúc được UBND phường NT chứng thực, số chứng thực 04, quyển số 01/2008.

Về tính hợp pháp của di chúc, Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm lập di chúc, bản Di chúc ngày 19/8/2008 là hợp pháp cả về hình thức và nội dung theo quy định tại các Điều 647, 648, 649, 650, 652, 653, 657, 658 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4.4] Ngày 05/9/2012, cụ D đã lập bản Di chúc do chính cụ D viết tay và điểm chỉ, có nội dung: "*Tôi khẳng định hiện nay tinh thần tôi hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt, không bị ai đe dọa, ép buộc... tôi tự nguyện viết lập bản di chúc thứ hai này như sau: Tôi đang quản lý sử dụng thửa đất số 10, tờ bản đồ số 64 với diện tích 415m^2, tại tổ 25 (Xóm Mới), phường NT , quận LB , HN ... Tôi khẳng định đây là tài sản chung của vợ chồng tôi... Nay tôi lập bản di chúc này để định đoạt tài sản của tôi được hưởng theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất đai và tài sản gắn liền với đất nêu trên. Sau khi tôi qua đời, toàn bộ phần tài sản của tôi được hưởng theo pháp luật tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 64 với diện tích 415m^2, tại tổ 25, phường NT , quận LB , HN sẽ được tặng cho vợ kế của tôi là Bà Nguyễn Thị T...*". Tại Phụ lục kèm theo di chúc có nội dung "*... Tài sản chung của 2 vợ chồng tôi sẽ chia đôi. Phần của vợ tôi không có di chúc để lại sẽ chia đều cho chồng và năm con (tức là 6 phần bằng nhau)*".

Tại Bản tự khai ngày 30/12/2018 và Biên bản lấy lời khai ngày 16/9/2019, Bà Nguyễn Thị T trình bày: Ngày 05/9/2012, tại nơi ở của ông bà tại Kiều Bái, Thủy Nguyên, Hải Phòng, sau nhiều ngày suy nghĩ và nghiên cứu tài liệu về luật thừa kế của nhà nước ban hành, ông D đã viết bản di chúc lần hai để lại tài sản cho người còn sống. Bà công nhận hoàn toàn đó là bản di chúc do chồng bà viết và các con bà biết. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T khẳng định khi ông Lục Tấn D chồng bà còn sống đã tự viết bản Di chúc ngày 05/9/2012, di chúc được cụ D lập thành hai bản có nội dung giống nhau rồi đưa lại cho bà T giữ. Sau khi ông D chết, bà đưa lại di chúc cho bà N . Trình bày của bà T phù hợp với nội dung Kết luận giám định số 409/KL-KTHS ngày 30/12/2022 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an về việc xác định chữ viết, chữ ký tại bản Di chúc ngày 05/9/2012 là của cụ Lục Tấn D .

Như vậy, có đủ cơ sở xác định bản Di chúc ngày 05/9/2012 là do chính cụ Lục Tấn D lập trên cơ sở tự nguyện và trong tình trạnh sức khỏe minh mẫn, sáng suốt. Về tính hợp pháp của di chúc, Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm lập di chúc, bản Di chúc ngày 05/9/2012 là hợp pháp cả về hình thức và nội dung theo quy định tại các Điều 647, 648, 649, 650, 652, 653, 655 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4.5] Tại khoản 3 Điều 662 Bộ luật dân sự 2005 quy định "*Trong trường*

hợp người lập di chúc thay thế di chúc bằng di chúc mới thì di chúc trước bị hủy bỏ". Như vậy, vào thời điểm cụ D lập bản di chúc thứ hai (Di chúc ngày 05/9/2012) thì bản di chúc thứ nhất (Di chúc ngày 19/8/2008) của cụ D đã bị hủy bỏ và được thay thế bằng bản Di chúc ngày 05/9/2012. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của Bà Vũ Thị Ngọc H về việc yêu cầu Tòa án công nhận tính hợp pháp của bản Di chúc ngày 19/8/2008 làm cơ sở để phân chia thừa kế là không có cơ sở chấp nhận.

[4.6] Di chúc ngày 05/9/2012 của cụ D là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm cụ D chết (ngày 06/01/2014). Tuy nhiên, đến ngày 02/6/2014, tại Văn phòng công chứng A9 – thành phố HN , Bà Nguyễn Thị T đã lập Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của cụ D . Quá trình giải quyết vụ án, tại Bản tự khai ngày 30/12/2018 và Biên bản lấy lời khai ngày 16/9/2019, bà T vẫn giữ nguyên ý kiến về việc từ chối nhận di sản thừa kế cụ D . Căn cứ vào nội dung Bản tự khai ngày 30/12/2018, Biên bản lấy lời khai ngày 16/9/2019 và lời khai bà T tại phiên tòa phúc thẩm, đủ cơ sở khẳng định tại thời điểm lập Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế tại Văn phòng công chứng (ngày 02/6/2014), bà T đã biết rõ về nội dung Di chúc ngày 05/9/2012, biết rõ về quyền lợi của mình được hưởng từ di chúc và việc bà T lập Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế tại Văn phòng công chứng là hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định ghi nhận việc bà T từ chối nhận di sản thừa kế của cụ D là phù hợp với ý chí, nguyện vọng của bà T và đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T cũng không có kháng cáo về vấn đề này.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ngày 24/6/2022 bà T có văn bản đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia thừa kế di sản của cụ D theo di chúc và xin được hưởng thừa kế của cụ D . Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T trình bày lý do đề nghị chia thừa kế của cụ D theo di chúc và xin được hưởng thừa kế của cụ D là nhằm để lại tài sản cho cháu Đ thực hiện nghĩa vụ thờ cúng. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi xét xử sơ thẩm, bà T không có kháng cáo, đồng thời bà T cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà T từ chối nhận di sản thừa kế trước đây là không tự nguyện hoặc bị lừa dối, ép buộc, do đó không có cơ sở chấp nhận đề nghị của bà Tuyết.

[4.7] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cả hai bản di chúc do cụ D lập ngày 19/8/2008 và ngày 05/9/2012 đều không hợp pháp vì nội dung di chúc "*không nêu rõ phần di sản để lại của cụ (Dũng) là bao nhiêu m^2 đất, kích thước, vị trí thửa đất như thế nào"* là không phù hợp với thực tế, không đúng pháp luật. Tuy nhiên, do bà T từ chối nhận di sản thừa kế của cụ D nên di sản của cụ D , cụ C sẽ được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ D , cụ C là 05 người con chung của hai cụ theo quy định tại Điều 620, điểm d khoản 1 Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Điều 642, điểm d khoản 1 Điều 675 Bộ luật Dân sự năm 2005). Do đó, sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án nhưng vẫn cần sửa bản án sơ thẩm để tuyên bổ sung phần nội dung xác định Di chúc do cụ D lập ngày 05/9/2012 là hợp pháp tại phần quyết định của bản án.

[4.8] Bà H kết hôn với Ông T năm 2004, sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại nhà đất là di sản thừa kế của cụ D , cụ C . Quá trình giải quyết vụ án, chính Bà H thừa nhận không có công sức đóng góp gì vào khối di sản của cụ D , cụ Chính, đồng thời trên thực tế Bà H là người được trực tiếp quản lý, sử dụng nhà đất và được hưởng lợi từ nhà đất này trong nhiều năm. Vì vậy khi phân chia di sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm không trích chia công sức cho Bà H là có căn cứ.

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng đất của các bên đương sự và hiện trạng nhà đất tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho các bên đương sự cụ thể như sau:

- Chia cho Bà Vũ Thị Ngọc H và cháu Lục Hoàng Đ diện tích đất 87,52m^2, gồm 40m^2 đất ở, 47,52m^2 đất vườn và được quyền quản lý, sử dụng kiot, sân gạch và các cây trồng có trên phần đất được chia. Tổng giá trị di sản Bà H , cháu Đ được nhận là 2.788.000.000 đồng.

- Chia cho Bà Lục Thu L, Bà Lục Thị P, Bà Lục Bích N, bà Lục Thu H (đã chết) Bà H có thừa kế thế vị là Anh Tạ Quang P phần đất có diện tích 350,08m^2, gồm 160m^2 đất ở, 190,08m^2 đất vườn và nhà hai tầng diện tích 45m^2, trị giá 291.239.118 đồng.

Bà L , bà P , bà N , anh Phương cùng có trách nhiệm thanh toán cho Bà H 371.068.223 đồng, mỗi người phải thanh toán cho Bà H số tiền 92.767.056 đồng.

Việc phân định vị trí, ranh giới, tứ cận, kích thước, diện tích các phần đất chia cho các bên đương sự được thể hiện rõ ràng, cụ thể theo sơ đồ kỹ thuật được gửi kèm theo bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy việc phân chia di sản thừa kế của cụ D , cụ C như nêu trên là phù hợp với việc quản lý, sử dụng thửa đất theo hiện trạng và đảm bảo quyền và lợi ích cho các bên đương sự. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại HN về việc không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là Bà Vũ Thị Ngọc H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung này là có cơ sở, được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết của cụ Lục Tấn D tại bản Di chúc ngày 05/9/2012: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là Bà Lục Bích N xác định bà đã thanh toán xong, không yêu cầu các đương sự khác trong vụ án phải hoàn trả và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận và không đề cập xử lý.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ Điều 284, Điều 289, Điều 308, Điều 309, khoản 2

Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn là Bà Lục Bích N;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là Bà Vũ Thị Ngọc H;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2020/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố HN như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Vũ Thị Ngọc H, cháu Lục Hoàng Đ đối với bị đơn Bà Lục Bích N về việc chia di sản thừa kế của cụ Lục Tấn D, cụ Hoàng Thị C (Hoàng Lệ C) theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu của bị đơn Bà Lục Bích N về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T253169 do UBND quận LB , thành phố HN cấp ngày 02/12/2004 đứng tên "Hộ gia đình ông (bà) Lục Tấn D" và chia di sản thừa kế của cụ Lục Tấn D , cụ Hoàng Thị C (Hoàng Lệ C) theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Vũ Thị Ngọc H về việc đề nghị công nhận tính hợp pháp của bản di chúc của cụ Lục Tấn D lập ngày 19/8/2008 tại UBND phường NT .

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Lục Tấn D , cụ Hoàng Thị C (Hoàng Lệ C) để lại là 437,6m^2 đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 64, tổ 25, xóm Mới, phường NT , quận LB , thành phố HN có địa chỉ hiện nay tại số nhà 36, ngõ 606, đường NT phường NT , quận LB , thành phố HN , trị giá 13.940.000.000 đồng và 01 ngôi nhà hai tầng có diện tích 45m^2, trị giá 291.239.118 đồng.

Tổng giá trị di sản thừa kế là: 14.231.239.118 đồng.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lục Tấn D , cụ Hoàng Thị C (Hoàng Lệ C) gồm: Bà Lục Thu L, Bà Lục Thị P, Bà Lục Bích N, bà Lục Thu H (đã chết) có thừa kế thế vị là Anh Tạ Quang P, ông Lục Anh T (đã chết) có vợ là Bà Vũ Thị Ngọc H và con là cháu Lục Hoàng Đ. Xác định hàng thừa kế của cụ Lục Tấn D là Bà Nguyễn Thị T là vợ thứ hai của cụ Lục Tấn D .

4. Xác nhận Bản di chúc của cụ Lục Tấn D lập ngày 05/9/2012 là hợp pháp.

Ghi nhận việc Bà Nguyễn Thị T từ chối nhận di sản thừa kế của cụ Lục Tấn D .

5. Chia di sản thừa kế của cụ Lục Tấn D , cụ Hoàng Lệ C cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Việc phân chia di sản thừa kế cụ thể như sau:

- Chia cho Bà Vũ Thị Ngọc H và cháu Lục Hoàng Đ diện tích 87,52m^2 đất trong đó 40m^2 đất ở và 47,52m^2 đất vườn được giới hạn bởi các điểm 3,4,5',13,3; Bà H , cháu Đ được quyền quản lý, sử dụng kiot, sân gạch và các

cây trồng có trên phần đất được chia (theo sơ đồ kỹ thuật kèm theo bản án).

Tổng giá trị di sản Bà H , cháu Đ được nhận là 2.788.000.000 đồng.

- Chia cho Bà Lục Thu L, Bà Lục Thị P, Bà Lục Bích N, bà Lục Thu H (đã chết) Bà H có thừa kế thế vị là Anh Tạ Quang P phần đất có diện tích 350,08m^2, trong đó 160m^2 đất ở và 190,08m^2 đất vườn được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,13,5',5,6,7,7',8,9,10,11,12,1 và một nhà hai tầng diện tích 45m^2, trị giá 291.239.118 đồng (theo sơ đồ kỹ thuật kèm theo bản án).

Bà L , bà P , bà N , anh Phương được quyền quản lý, sử dụng các công trình tài sản, cây trồng có trên phần đất được chia.

Bà Vũ Thị Ngọc H và cháu Lục Hoàng Đ, Bà Lục Thu L, Bà Lục Thị P, Bà Lục Bích N, Anh Tạ Quang P có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được giao.

Bà Lục Thu L, Bà Lục Thị P, Bà Lục Bích N, Anh Tạ Quang P cùng có trách nhiệm thanh toán cho Bà Vũ Thị Ngọc H 371.068.223 đồng, mỗi người phải thanh toán cho Bà H số tiền là 371.068.223 đồng : 4 = 92.767.056 đồng.

Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí sơ thẩm:

Bà Vũ Thị Ngọc H phải chịu 53.820.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 28.000.000 đồng tạm ứng án phí Bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006221 ngày 09/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận LB và số tiền 25.820.000 đồng án phí sơ thẩm đã nộp sau khi xét xử sơ thẩm theo Biên lai số 0004244 ngày 11/11/2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố HN . Xác nhận Bà Vũ Thị Ngọc H đã thi hành xong nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lục Thị Bích Nga, Anh Tạ Quang P mỗi người phải chịu 89.216.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền 24.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013360 ngày 08/8/2019 tại Cục thi hành án dân sự thành phố HN , bà N phải nộp tiếp số tiền là 65.216.000 đồng.

Cháu Lục Hoàng Đ, Bà Lục Thu L, Bà Lục Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Về án phí phúc thẩm: Bà Vũ Thị Ngọc H, Bà Lục Bích N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Bà Vũ Thị Ngọc H và Bà Lục Bích N mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp lần lượt theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020931 và 0020933 cùng ngày 11/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố HN .

6. Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết của cụ Lục Tấn D tại bản Di chúc ngày 05/9/2012: Ghi nhận Bà Lục Bích N đã thanh toán xong và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

7. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại HN ;
- TAND thành phố Hà Nôi;
- VKSND thành phố HN ;
- Cục THADS thành phố HN ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Hải Hiệp

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Tuyển **Đặng Thị Thơm** **Phùng Hải Hiệp**